

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quý S

2. Ông Trần Bá Đường

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị C, sinh năm 1983; Đăng ký HHTT, Bản N, xã X, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; tạm trú, thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Triệu Đức U, sinh năm 1981, trú tại bản N, xã X, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Triệu Thị C trình bày: Chị và anh Triệu Đức U tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh U không tu chí làm ăn hay uống rượu say, mỗi lần say lại đánh chửi vợ con. Sự việc xảy ra vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không thành, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Triệu Thị A sinh ngày 17/3/2006, Triệu Thị S sinh ngày 24/7/2014 và Triệu Tiến T, sinh ngày 04/12/2017, các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường và do anh U đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Triệu Thị S còn cháu A và cháu T do anh U tiếp tục nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Triệu Đức U trình bày: Anh đồng ý với chị C về điều kiện, hoàn cảnh chung sống, mâu thuẫn gia đình và con chung như các lời khai chị C. Anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu T, chị C nuôi dưỡng cháu S đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Triệu Thị C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Đức U và đề nghị giải quyết trách nhiệm nuôi con. Bị đơn cư trú tại bản N, xã X, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị C và anh Triệu Đức U không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân mà chỉ hòa giải về trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án chị C chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh U vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị C và anh Triệu Đức U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Quá trình chung sống anh chị có thời gian hạnh phúc và có con chung nhưng đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân bất hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy không công nhận chị Triệu Thị C và anh Triệu Đức U là vợ chồng phù hợp với khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con C: Quá trình chung sống chị Triệu Thị C và anh Triệu Đức U có 03 con chung quá trình giải quyết vụ án anh chị đồng ý sau ly hôn chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu S anh U nuôi dưỡng cháu A và cháu T đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại các biên bản lấy ý kiến của cháu Triệu Thị A, Triệu Thị S, các cháu có nguyện vọng người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phù hợp với sự thống nhất của chị C, anh U.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Triệu Thị C và anh Triệu Đức U là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Triệu Thị S sinh ngày 24/7/2014 cho chị Triệu thị C trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Triệu Thị A sinh ngày 17/3/2006 và cháu Triệu Tiến T, sinh ngày 04/12/2017 cho anh Triệu Đức U trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, sau khi ly hôn chị C và anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000đ đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003502 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh (1);

- VKSND tỉnh+huyện (2);

- THADS huyện(1);

- Các đương sự (2);

- HS (1).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến